

Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế VN kể từ sau chính sách đổi mới của Đảng cộng sản VN đã thu hút mạnh mẽ giới tài chính ngân hàng nước ngoài thâm nhập vào VN. Có thể nói, hơn bao giờ hết, đất nước VN chứng kiến sự hiện diện của hầu hết các gương mặt tên tuổi của làng ngân hàng ngoại quốc từ các ngân hàng Pháp như Crédit Lyonnais, Banque Française du Commerce Extérieur, Banque Nationale de Paris, Banque Indo-Suez cho đến Bank of Tokyo - Mitsubishi, ngân hàng lớn nhất thế giới mới được thành lập từ một sự sáp nhập "ngoạn mục" giữa hai anh chàng vốn đã khổng lồ là Bank of Tokyo và Mitsubishi Bank. Cũng phải kể rất nhiều tên tuổi nổi cộm khác như Deutsche Bank, Standard Chartered Bank, ING Bank, ANZ Banking Group, Bank of America, Citibank... Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước, tính đến cuối năm 1996, đã có 4 ngân hàng liên doanh, 23 chi nhánh ngân hàng nước ngoài và 71 văn phòng đại diện đã được cấp giấy phép hoạt động tại VN, tập trung tại hai thành phố lớn là Hà Nội và TP.HCM.

Thông thường, trước khi chính thức mở chi nhánh, ngân hàng nước ngoài thường trải qua giai đoạn văn phòng đại diện (VPĐD). Thời gian hoạt động của VPĐD thường là 2 - 3 năm, có khi lâu hơn. Đây là giai đoạn hết sức quan trọng chuẩn bị cho hoạt động chính thức sau này của ngân hàng. Mục tiêu hoạt động chính của VPĐD là nghiên cứu thị trường, môi trường đầu tư, các luật lệ có liên quan, đặt quan hệ với các cơ quan chính phủ và hệ thống các ngân hàng hiện hữu và trên hết, là việc tiếp cận các khách hàng tiềm năng (prospects) để chuẩn bị cho các quan hệ chính thức sau này. Tiếp thị trong giai đoạn này là khâu quyết định sự thành bại cho hoạt động về sau này của một ngân hàng nước ngoài. Các



VÀI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

TRƯƠNG QUANG THÔNG

đối tượng nghiên cứu thị trường của các ngân hàng đôi khi lại tỏ ra xa lạ với các ngân hàng VN, chẳng hạn, một ngân hàng nước ngoài nọ đã mở hồ sơ nghiên cứu riêng về...Việt kiều, bao gồm các giai đoạn lịch sử hình thành nền cộng đồng Việt kiều ở nước ngoài, các cộng đồng Việt kiều lớn trên thế giới, tên tuổi các Việt kiều có nhiều thành đạt, tiềm năng đầu tư về VN...Họ nghiên cứu về Việt kiều để làm gì? Rất đơn giản, vì theo họ, với chính sách ngày càng cởi mở của VN, Việt kiều là một bộ phận không thể tách rời đời sống kinh tế - xã hội của đất nước này, nên đương nhiên, Việt kiều phải là một trong những đối tượng nghiên cứu của họ. Không thụ động nằm chờ khách hàng đến "xin vay", các ngân hàng nước ngoài không quan niệm mình là người "cho vay", mà chỉ là người "cung cấp" các tiện ích tín dụng (credit facility) cho khách hàng. Họ thường luôn có thái độ trọng thị, chủ động đến với khách hàng và sẵn sàng "trải thảm đỏ" chào mời khách hàng khi cần thiết. Một người bạn của chúng tôi đã kể lại một mẩu chuyện khá thú vị về kỹ thuật tiếp thị của một ngân hàng khác. Tại hội chợ nông nghiệp tổ chức tại Cần Thơ cách đây vài năm, ngân hàng đó đã chính thức ghi tên tham dự. Một số không nhỏ các doanh nhân miền Tây lúc đó rất ngạc nhiên vì sự có mặt của một ngân hàng nước ngoài tại hội chợ vì theo họ, hội chợ chỉ đơn thuần là nơi gặp gỡ giữa các công ty thương mại, hoặc giữa các công ty đó và khách hàng mà thôi. Họ đâu biết rằng, với sự có mặt tại một hội chợ thương mại, ngân hàng sẽ có dịp nghiên cứu rất kỹ lưỡng và thực tế về tiềm lực của các công ty thương mại từ khâu sản xuất, tiếp thị cho đến khâu thương mại hóa sản phẩm. Kết thúc hội chợ, nghe nói ngân hàng đó đã chào mời được một số công ty có tên tuổi về "đầu quân" vào danh sách các khách hàng chính thức của

minh.

Do đó, một điều dễ nhận thấy là các ngân hàng nước ngoài đã nhanh chóng hòa nhập vào đời sống kinh tế VN. Chính sách kinh doanh của từng ngân hàng có khác nhau tùy thuộc vào khả năng tài chánh, kinh nghiệm, sở trường cũng như quá trình hội nhập của họ. Các ngân hàng Pháp có lẽ thích tài trợ thương mại (trade financing) hơn thông qua việc cấp tín dụng nhập khẩu (import financing), hay tài trợ xuất khẩu thông qua các khoản cho vay trọn gói (packing loans) dựa vào thư tín dụng xuất khẩu (export letter of credit). Các ngân hàng Nhật, tuy xuất hiện hơi chậm so với các ngân hàng Pháp, nhưng lại thích các khoản đầu tư trung và dài hạn hơn (medium and long term investments). Nhưng nhìn chung, tín dụng ngắn hạn chiếm đa số dư tín dụng của các ngân hàng nước ngoài. Các ngân hàng nước ngoài còn nhiều ngân ngại đối với các khoản tín dụng trung và dài hạn. Theo báo cáo ngày 19.12.1996 của Ngân hàng nhà nước "Tóm tắt hoạt động của ngân hàng nước ngoài và các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế tại VN" thì tỷ lệ tín dụng trung và dài hạn từ 31% vào cuối năm 1995 đã tăng lên 36% vào cuối năm 1996. Tổng dư nợ tín dụng vào cuối năm 1996 cũng tăng 79,2% so với năm trước. Cũng theo nhận định của báo cáo trên, hoạt động của các ngân hàng nước ngoài tại VN đã có sự tăng trưởng liên tục và khá nhanh trên hầu hết các lãnh vực...Mức độ sử dụng vốn khá cao thể hiện ở tỷ lệ cho vay trên vốn huy động đạt 90%.

Có một vấn đề lâu nay ít ai chú ý là tín dụng từ các ngân hàng nước ngoài là một nhân tố rất quan trọng trong cơ cấu tổng vốn đầu tư nước ngoài tại VN hiện nay, tính theo nguồn đầu tư. Như chúng ta biết, trong đa số các dự án đầu tư, để hạn chế rủi ro, nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng đăng ký vốn pháp định (legal capital) thấp hơn so với



vốn đầu tư (investment capital). Lấy một ví dụ, theo báo *Saigon Newsreader* số ra ngày 17.2.1997, trong 12 tháng của năm 1996, tổng số vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép tại VN là 8.486.012.239 USD trong đó vốn pháp định là 2.937.811.912 USD. Phần chênh lệch giữa vốn đầu tư và vốn pháp định 5.548.200.327 USD (rất đáng kể) thường sẽ được tài trợ từ các khoản vay nước ngoài (foreign debts) hay từ các ngân hàng nước ngoài tại VN, thông qua sự dàn xếp chủ yếu của phía nước ngoài (nếu trong trường hợp một công ty liên doanh) thông qua mối quan hệ truyền thống (traditional relationship) giữa họ

và các ngân hàng chính quốc. Chính các ngân hàng nước ngoài sẽ san sẻ rủi ro về phần chênh lệch nói trên cùng với nhà đầu tư. Rất tiếc là cho đến nay, chưa có những thống kê cụ thể nào về vấn đề này trong khi đó là các khoản vay đầu tư này về hình thức thường là các khoản vay trung hạn hiện còn chiếm tỷ lệ khiêm tốn như đã nói ở trên. Báo chí đã nói nhiều về các giải pháp tạo nguồn vốn trung và dài hạn như một bài toán nan giải của các ngân hàng VN hiện nay. Do đó, sự hiện diện của các ngân hàng nước ngoài trong lãnh vực này phải được chú ý nghiên cứu hơn thông qua đó, các quan chức ngân hàng sẽ có những chính sách kích

thích thích hợp.

Bên cạnh các quan hệ tín dụng, các ngân hàng nước ngoài tại VN cũng là cầu nối cho việc mở rộng và phát triển các quan hệ ngân hàng đại lý (correspondent banking) giữa các ngân hàng VN và hệ thống ngân hàng quốc tế, cho việc tiếp cận của các nhà đầu tư nước ngoài trong quá trình tìm hiểu các đối tác VN. Các ngân hàng nước ngoài cũng góp phần đưa nghiệp vụ ngân hàng điện tử (electronic banking) vào VN.

Nhân đây, cũng không thể không nói đến những trở ngại khó khăn trên bước đường hội nhập của các ngân hàng nước ngoài vào VN. Chúng ta vẫn chưa có một bộ luật thương mại. Các qui định về cầm cố, thế chấp chưa đầy đủ, thống nhất dẫn đến tình trạng tự tiện giải thích pháp luật của các cơ quan hữu quan, điển hình là trong hoạt động công chứng. Thủ tục phá sản doanh nghiệp còn quá nhiều nhiều khâu, trở ngại cho việc thu hồi vốn cho ngân hàng... và trên hết, bệnh quan liêu, cửa quyền vẫn còn là nỗi ám ảnh các ông chủ nhà băng dù rằng, chúng ta mang tiếng là đã mở cửa ra thế giới hơn 10 năm nay.

Kết thúc năm 1996, môi trường kinh tế vĩ mô ngày càng chứng tỏ có nhiều thuận lợi hơn cho hoạt động của các ngân hàng nước ngoài tại VN. Việc mở rộng các mối quan hệ ngoại giao, Luật đầu tư nước ngoài sửa đổi đã được Quốc hội thông qua, việc hoàn thiện dần dần hành lang pháp lý và các văn bản pháp qui tạo điều kiện an toàn hơn cho hoạt động của các ngân hàng nước ngoài, là những tiền đề quan trọng cho việc hội nhập của các ngân hàng nước ngoài vào hệ thống ngân hàng VN nói chung, nhằm thu hút ngày càng mạnh mẽ vốn đầu tư của các ngân hàng nước ngoài, nhất là đầu tư trung và dài hạn phục vụ thiết thực cho mục tiêu hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước chúng ta.